

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc Nga.

2. Bà Đào Thị Kim Nương.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-HN ngày 02 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HN ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HN ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thùy D**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp TT, xã THĐ, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Lưu L**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp TT1, xã THĐ1, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, chị và anh L được sự đồng ý của gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã THĐ,

huyện TP, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 16-5-2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống anh L không lo cho vợ con, tiền anh làm tiêu xài riêng chị phải tự lo cho các con. Chị và anh L ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Lưu L.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có ba con chung Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 08-12-2003; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 18-8-2015 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 23-6-2017. Hiện nay, con chung đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi ba con chung. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Bị đơn Nguyễn Lưu L:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh L nhưng anh L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Lưu L, địa chỉ: ấp TT1, xã THĐ1, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Lưu L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Lưu L sống chung năm 2001 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã THĐ1, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2018 đến nay sống không hạnh phúc nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau. Theo chị D thì anh L không quan tâm lo lắng cho vợ con, anh đi làm tiền tiêu xài riêng để chị tự lo cho các con. Anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân, anh chị không còn liên lạc để hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh L không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị D. Chị D xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy D.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có 03 con chung Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 08-12-2003; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 18-8-2015 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 23-6-2017. Hiện nay, các con chung đang sống cùng chị D, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Nh, Cát T và Phú Q đang sống ổn định cùng chị D, cháu Nh có nguyện vọng sống cùng chị D; chị D có chỗ ở ổn định và có nguồn thu nhập có điều kiện nuôi con chung nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho các con chung. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D giao con chung Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Ngọc Cát T

và Nguyễn Phú Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Lưu L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 08-12-2003; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 18-8-2015 và Nguyễn Phú Q, sinh ngày 23-6-2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L chưa phải đóng góp nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20911 ngày 26-02-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị D đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị D, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã THĐ1, huyện TP1, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền